

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH**

TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số:20/2021/DS-ST

Ngày: 01-07-2021

“V/v Tranh chấp đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hậu

2. Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Văn Hữu Tuấn- kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “ *Tranh chấp Đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Phan Văn L (tên gọi khác: Phan Văn L), sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp Ninh T, xã An T, huyện T, tỉnh An G

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M , sinh năm 1971 và bà Phan Thúy N

Địa chỉ: Ấp C, xã Minh D, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

(Anh L có đơn xin vắng mặt, ông M và bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án– nguyên đơn là anh Phan Văn L(Phan Văn L) trình bày: Vào ngày 28/03/2019, anh và ông M, bà N có thỏa thuận mua bán lúa với nhau, cụ thể: Vợ chồng ông M, bà N bán cho anh L 1.000 công lúa Đài thơm 8 (lúa tươi) với giá là 5.050 đồng/kg, với số tiền cọc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng), anh L đã đưa đủ số tiền cọc lúa cho ông M, bà N là

200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Việc thỏa thuận mua bán trên giữa hai bên có lập hợp đồng mua bán lúa, anh L, bà Phan Thúy N và ông Nguyễn Văn M có ký tên vào Hợp đồng mua bán trên. Sau khi thỏa thuận mua bán lúa với nhau, thì vợ chồng ông M, bà N có giao lúa cho anh L khi kết thúc vụ mùa và hiện còn nợ anh L số tiền là 60.000.000 đ (sáu mươi triệu đồng). Từ khi thiếu nợ số tiền 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng) của anh đến nay thì vợ chồng ông M, bà N chưa trả cho anh L được khoản nào. Nay anh L yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N trả cho anh L số tiền nợ là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại bản tự khai đề ngày 25 tháng 01 năm 2021 và biên bản lấy lời khai đề ngày 25 tháng 01 năm 2021- ông Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án trình bày: Ông M thừa nhận vào ngày 28/03/2019, ông M, bà N và anh Phan Văn L (Phan Văn L) có thỏa thuận mua bán lúa với nhau, cụ thể: Vợ chồng ông M, bà N bán cho anh L 1.000 công lúa Đồi thơm 8 (lúa tươi) với giá là 5.050 đồng/kg, với số tiền cọc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng), anh L đã đưa đủ số tiền cọc lúa cho ông M, bà N là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Việc thỏa thuận mua bán trên giữa hai bên có lập hợp đồng mua bán lúa, anh L, bà Phan Thúy N và ông Nguyễn Văn M có ký tên vào Hợp đồng mua bán trên. Sau khi thỏa thuận mua bán lúa với nhau, thì vợ chồng ông M, bà N có giao lúa cho anh L khi kết thúc vụ mùa và hiện còn nợ anh L số tiền là 60.000.000 đ (sáu mươi triệu đồng). Từ khi thiếu nợ số tiền 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng) của anh đến nay thì vợ chồng ông M, bà N chưa trả cho anh L được khoản nào. Nay ông M và vợ ông là Phan Thúy N đồng ý trả cho anh L số tiền nợ là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng), đồng ý trả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra, ông M không còn ý kiến trình bày gì thêm

Đối với bà Phan Thúy N không có lời trình bày tại Tòa án, đồng thời, bà N cũng không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho bà N nhưng bà N không đến Tòa án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung đề xuất:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn L (Phan Văn L) đối với ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N trả cho anh Phan Văn L (Phan Văn L) số tiền nợ là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định các đương sự đã thực hiện xong hợp đồng, chỉ còn lại khoản nợ phải thanh toán nên Tòa án xác định đây là tranh chấp “Đòi tài sản” giữa nguyên đơn là anh Phan Văn L (Phan Văn L) và bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N. Ông M, bà N có đăng ký thường trú tại Ấp C, xã Minh D, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Phan Văn L (Phan Văn L) có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho ông M, bà N theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn L (Phan Văn L) đối với ông M, bà N theo quy định, nhưng ông M, bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là anh Phan Văn L (Phan Văn L) và bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thúy N.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông M, bà N trả số tiền nợ là 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt không đến Tòa án tham dự phiên tòa, đồng thời, bà N cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh L và ông M đều thống nhất thừa nhận vào ngày 28/03/2019, anh L và ông M, bà N có thỏa thuận mua bán lúa với nhau, cụ thể: Vợ chồng ông M, bà N bán cho anh L 1.000 công lúa Đồi thơm 8 (lúa tươi) với giá là 5.050 đồng/kg, với số tiền cọc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng), anh L đã đưa đủ số tiền cọc lúa cho ông M, bà N là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Việc thỏa thuận mua bán trên giữa hai bên có lập hợp đồng mua bán lúa, anh L, bà N và ông M có ký tên vào Hợp đồng mua bán trên. Sau khi thỏa thuận mua bán lúa với nhau, thì vợ chồng ông M, bà N có giao lúa cho anh L khi

kết thúc vụ mùa và hiện còn nợ anh L số tiền là 60.000.000 đ (sáu mươi triệu đồng). Sự thừa nhận của anh L, ông M cũng phù hợp với hợp đồng mua bán lúa cũng như biên nhận nợ mà anh L cung cấp cho Tòa án (BL – 05, BL- 06). Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, việc thỏa thuận mua bán lúa giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy ra trên thực tế, anh L có đưa đủ tiền cọc lúa cho ông M, bà N. Sau khi nhận đủ tiền cọc thì ông M và bà N có giao lúa cho anh L khi kết thúc vụ mùa như hai bên thỏa thuận và hiện ông M, bà N còn nợ anh L số tiền 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng). Như vậy, việc anh L yêu cầu ông M, bà N trả số tiền nợ 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn L (Phan Văn L). Do đó, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Văn L (Phan Văn L) số tiền nợ 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng)

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm, Ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N phải chịu nộp là $60.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$.

Anh Phan Văn L (Phan Văn L) đã dự nộp 1.500.000 đồng tại biên lai thu số 0010453 ngày 06/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn L (Phan Văn L) đối với ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N có nghĩa vụ trả cho anh Phan Văn L (Phan Văn L) số tiền là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất cơ bản do N hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy N phải chịu là 3.000.000 đồng.

Anh Phan Văn L (Phan Văn L) đã dự nộp 1.500.000 đồng tại biên lai thu số 0010453 ngày 06/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

3/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Mỹ Xuyên

